

HỒ XUÂN HƯƠNG: NHỮNG VĂN-BẢN THƠ NÔM ĐƯỢC CÔNG-BỐ TỪ NĂM 1968

Nguyễn Ngọc Bích

Đúng năm đầu thiên-niên-kỷ mới, nhà xuất bản Copper Canyon Press ở Port Townsend, Tiểu-bang Washington, tung ra cuốn *Spring Essence: The Poetry of Hồ Xuân Hương* dịch thơ bà sang tiếng Anh bởi John Balaban. Cuốn sách, chỉ trong vòng hai năm, bán hết 16 nghìn bản—một kỷ-lục về thơ, ngay cả thơ viết thẳng trong tiếng Anh. Đây là một thành-tựu mà người dịch, G.S. Balaban, một nhà thơ có tên tuổi của Hoa-kỳ, có quyền hãnh-diện. Bên cạnh đó, cuốn sách, với một cái bìa trình bày khá hấp dẫn và “sexy,” lại còn có thêm vài ưu-điểm nữa: Đây là một bản dịch song ngữ với bên trái là nguyên-bản chữ Nôm in ở trên, phiên thành Quốc-ngữ ở dưới, và bản dịch tiếng Anh đối diện ở trang bên mặt. Những chữ Nôm, rất đẹp, do Tiến-sĩ Ngô Thanh Nhân ở New York vẽ kiểu trên vi-tính, còn có tham-vọng giúp vào việc bảo tồn vốn liếng chữ Nôm của Việt-nam. Tổng-cộng, được dịch là 48 bài thơ xem là của Hồ Xuân Hương cộng với một bài họa của Chiêu Hồ.

Như vậy, đây chưa phải là tập thơ dịch được nhiều thơ Hồ Xuân Hương nhất sang tiếng Anh. Thành-tích này thuộc về Hoài Nam Tử khi ông cho ra cuốn *Poetic English Version of Ho Xuan Huong's Poems*, in ra ở Texas khoảng năm 1997, dịch cả thấy 60 bài (45 bài thơ Nôm quen thuộc, 5 bài thơ chữ Hán về Vịnh Hạ-long, cộng 10 bài thơ Nôm và 5 bài thơ Hán rút từ Lưu Hương Ký), nghĩa là về số-lượng thì hơn hẳn con số 9 bài do họa-sĩ Võ Đình dịch trong *Vietnam Culture Journal* (1983-84), 15 bài tôi dịch chung với Burton Raffel và Robin Morgan trong *A Thousand Years of Vietnamese Poetry* (1975) trước đó, 20 bài do Hữu Ngọc dịch trong *Sketches for a Portrait of Vietnamese Culture* (1996), 21-22 bài Huỳnh Sanh Thông dịch trong hai tác-phẩm *The Heritage of Vietnamese Poetry* (1979) và *An Anthology of Vietnamese Poems* (1996), và 46 bài do David Cevet dịch từ tiếng Pháp trong *All She Wants* (1987). Tuy-nhiên, với 48 bài trong số thơ thuộc loại được truyền-tụng trong dân-gian (có lẽ cần trừ đi mấy bài mà tục-truyền là của người khác), cuốn của Balaban có thể nói là đã dịch hầu hết những bài thơ ta xem là quen thuộc của nữ-sĩ họ Hồ.

Là một giáo-sư về văn-học Anh-Mỹ ở North Carolina State University và cùng lúc là một nhà thơ Mỹ có hạng, lại còn đọc được tiếng Việt nữa, không lạ là ông Balaban đã đưa ra được một số bản dịch đáng được xem là thơ trong tiếng Anh. (Chính vì thế mà khi sang Việt-nam vào tháng 11-2000, ông Clinton đã trích thơ Hồ Xuân Hương ra nói chuyện với sinh-viên Việt Nam ở Hà-nội, trong bản dịch Balaban). Tóm lại, bà Hồ Xuân Hương khá may mắn là đã có một dịch-giả với khá đầy đủ tư-cách như nhà thơ John Balaban. Trong phần ghi nhận sự giúp đỡ của người khác, ông Balaban còn nêu đích-danh một số vị trong đó có Đại-sứ Ngô Quang Xuân, các giáo-sư Đào Thái Tôn, Nguyễn Quang Hồng, Nguyễn Huệ Chi ở Hà-nội, và Trần Văn Dĩnh ở Mỹ, hai tiến-sĩ Ngô Trung Việt và Ngô Thanh Nhân ở New York, cùng

ông James Đỗ Bá Phước, bà Phước-Hảo Williams và ông Michael Wieggers (trang ix). Xem thế thì ta đã có thể nghĩ là cuốn sách phải hoàn-hảo song tiếng thay, cuốn sách tuy đẹp vẫn còn khá nhiều tỳ vết, trong bản dịch cũng như trong phần chữ Nôm. Chỉ cần lấy một bài cũng đủ thấy là sự hiểu biết tiếng Việt của ông Balaban hãy còn lờ mờ, dù đã có hết cả sự giúp đỡ của những vị nói trên:

Bài “Tự tình thơ” (I) (trang 20-21) câu đầu, “Tiếng gà xao xác gáy trên bom,” được dịch thành “Gray sky. A rooster crows.” “Gray sky” là dịch từ đâu trong nguyên-bản không rõ, “trên bom” có trong nguyên-bản thì không thấy dịch, còn “tiếng gà xao xác” thì khó lòng có thể là “một con gà trống gáy o o” (“A rooster crows”) được.

Câu 6, “Sau giận vì duyên để mồm mòm,” được dịch thành “angry / with a fate that says I’m much too bold” thì thật là khó hiểu: tại sao “mồm mòm” lại có thể thành “much too bold” được?

Còn câu kết, “Thân này đâu đã chịu già tom,” biến thành “Am I supposed to walk as if stooped and old?” Chuyện gì đã xảy ra vậy?

Còn nhiều, còn nhiều! “Tự tình (III)” hay còn gọi là “Chiếc bách” (trang 30-31), hai câu cuối, “Ấy ai thăm ván cam lòng vậy / Ngán nỗi ôm đàn những tấp tênh,” được dịch thành “Whoever comes on board is pleased / as she plucks her guitar, sad and drifting.” Không những hai điển ở đây (“thăm ván bán thuyền” và “ôm đàn” sang thuyền khác) bị hiểu lầm, câu dịch hoàn-toàn vô nghĩa trong văn-cảnh toàn bài thơ.

Hoặc trong bài “Giếng nước” (trang 64-65), “cá giếc” thành “cá chép” (“a golden carp”) và “nạ rờng rờng” (không phải “rờng rờng”) thành “cá trê, cá basa” (“who would put a catfish here?”). Trong bài “Chùa xưa” (trang 86-87), nơi câu cuối, “Phúc đức như ông được mấy bồ?” chữ “bồ” của miền Bắc (như trong “bồ sứt cạp”) bị hiểu lầm thành chữ “bồ” mới tạo sau này của miền Nam (“bồ bạn, bồ bịch”) nên cả câu mới được dịch thành “Blessed, they gather many friends” (sic).

Nhưng đáng sợ nhất có lẽ là lối giải thích của chính người dịch. Trong một số báo *The Ruminator* (ở Minnesota, một tờ báo chuyên về dịch-thuật) mới ra gần đây, ông Balaban còn cho là ta có thể hiểu “Một đèo, một đèo lại một đèo” thành dấu sắc. Đến đây thì có lẽ các độc-giả cũng như tôi đều phải giơ tay lên trời để mà phán: “Thôi hết nói!”

*
* *

Mục-đích của chúng tôi hôm nay, trong bài này, không nhằm duyệt phần dịch của ông Balaban mà là nói về chữ Nôm trong cuốn *Spring Essence*. Nếu tấm lòng của ông Balaban và Tiến-sĩ Ngô Thanh Nhân là có đầy thiện-ý (bảo tồn chữ Nôm) song ở đây, chúng tôi cũng phải đồng ý mà nói là “lực” hãy còn “bất tòng tâm.” Lòng thì muốn đấy, song sức, khả-năng vẫn chưa đáp-ứng được. Đó là vấn-đề, và là một vấn-đề khá lớn nếu ta lại còn thiếu sự khiêm tốn cần thiết để chịu khó trao đổi, học hỏi.

Nhìn từ quan-điểm này, nghĩa là xem *Spring Essence* như một văn-bản Nôm của thơ Hồ Xuân Hương, thì lại có thể nói được rằng nó chủ-yếu là dựa trên bản chữ Nôm do Maurice Durand dựng lại. Có nghĩa là một đường vòng học-thuật đã được khép lại từ M. Durand 1968 đến Balaban-Ngô Thanh Nhân 2000 mà chủ-yếu chỉ có một sự tiến-bộ về mặt thẩm-mỹ: trong khi cuốn của M. Durand, chữ Nôm do ông Durand viết tay khá vụng về, một số bài ở cuối sách còn thiếu cả phần chữ Nôm do ông không tìm ra văn-bản Nôm hoặc do ông mất sớm (30-4-1966) không hoàn-tất kịp thì cuốn *Spring Essence* của Balaban-Ngô Thanh Nhân có đầy đủ các bản Nôm, hầu hết chép theo bản của M. Durand (35 bài) hoặc theo “Xuân Hương di thảo 春香遺稿” (19 bài) trong *Quốc-âm thi-tuyển* 國音詩選 (trang 130-131) còn 12 bài khi ghi “No Nôm source” thì chắc là Tiến-sĩ Ngô Thanh Nhân dựng lại các mặt chữ Nôm từ các bản Quốc-ngữ.

Nhưng tiếc thay, hai nguồn Nôm chính của cuốn *Spring Essence* không phải là không có lỗi mà vì ông Ngô Thanh Nhân không biết hơn nên đã chép lại cả những lỗi này, tỷ dụ:

Chữ “oán 怨” (câu 2) trong bài “Tự tình thơ” M. Durand viết lầm chữ “tử 死” (nghĩa là “chết”) thay vì chữ “uyển/oản” trên bộ “âm.” Tại sao ta biết Durand lầm? Vì âm-phù “oản” thì mới gợi ý được ra cách đọc “oán” chứ “tử” thì vô phương!

Chữ “tênh” trong “tấp tênh,” ở câu 8 bài “Tự tình 叙情 (Chiếc bách 隻栢)” (trang 30), sách QÂTT, viết lầm thành “tấp bênh” cũng được chép lại nguyên con ở đây. Trong cùng bài, câu 6 QÂTT ghi và viết đúng là “Buồm lèo thầy kẻ rắp xuôi dòng,” trong *Spring Essence* được đổi thành “Giông lèo...” ở bản Quốc-ngữ (đổi chính hơn với “Chèo lái...” ở câu 5) nhưng trong bản chữ Nôm vẫn giữ nguyên là “Buồm lèo...”

Ở một bài không có nguyên-bản bằng chữ Nôm trong M. Durand (ghi sai là có, trang 131) còn QÂTT thì viết chữ Nôm sai ở một số chỗ, *Spring Essence* cũng chép lại y nguyên: “Thấp thoáng” (câu 1 trong bài “Tức cảnh,” trang 112) ghi thành “thấp quáng,” “đứt nối” (câu 7) chữ Nôm viết đúng nhưng bản Quốc-ngữ lại phiên sai thành “đất nối (?),” và “chung-tình” (câu 8) chữ Nôm chép (sai) theo QÂTT thành “chuông (cái chuông!) tình.”

Ở bài “Đài Khán Xuân 臺看春” (trang 114) có lẽ vì là “No Nôm source” (trang 131) nên Tiến-sĩ Ngô Thanh Nhân phải dựng lại bản Nôm theo sự hiểu biết của ông. Cũng vì thế lỗi không ít: Chữ “đài 臺” trong tên bài và câu đầu vì sao lại cần có bộ “mộc 木” ở bên trái? Điều này không có trong chữ Hán và cũng không cần thiết khi dùng sang thành Nôm. Chữ “chẳng” trong câu 2 viết giống “chứng” trong tiếng Hán thì có lẽ đúng hơn. Chữ “mộ” trong câu 3 (“chiêu mộ 招暮”) thì không thể viết thành “mộ 墓” trong nghĩa là cái mả, cái mồ (bộ “thổ 土”) được mà phải viết thành “mộ 暮” (nghĩa là “buổi chiều”) bộ “nhật 日.” Chữ “tang 桑” trong “tang thương 桑蒼” (câu 4) cũng thế: chữ Nôm không thể viết thành “tang 喪” như trong “tang tóc

喪_喪” được mà phải viết chữ “tang 桑” (rất khác) bộ “mộc” như trong “tang thương 桑蒼, tang điền 桑田, phù tang 芙蓉” mới đúng.

*
* *

Thành thử nếu muốn dùng bản Nôm thơ Hồ Xuân Hương như ghi lại trong *Spring Essence* thì tối-thiểu có lẽ cần một bản đính chính khá dài, thật đầy đủ và chi-tiết. Chứ không những sai sót loại trên đây sẽ làm nhiều đi việc học chữ Nôm của những thế-hệ đến sau. Được cái may, từ 1968 là năm cuốn sách của Maurice Durand, *L'Oeuvre de la poétesse vietnamienne Hồ-Xuân-Hương*, được Ecole française d'Extrême-Orient in ra ở Pháp thì đã có một số nỗ lực đi tìm lại và in ra các bản Nôm thơ của nữ-sĩ họ Hồ. Theo thứ tự thời-gian ta có thể kể ra những nỗ lực sau đây:

1968: Maurice Durand (như trên), gồm 40 bài thơ Nôm HXH chép từ AB 396 (*Lĩnh-nam quân-hiền văn thi diễn âm tập*) có đối-chiếu để tìm khảo dị với AB 383 (*Quốc-văn tùng-ký* của Nguyễn Văn San, khoảng 1880, 28 trường-hợp) và một bản Nôm mà ông ghi là CCI (chưa rõ tên thật là gì, 19 trường-hợp). Tám trong số những bài này cũng còn được so với những văn-bản ghi trong A 3160 (*Quốc-sơn tam nguyên thi-tập*) là một cuốn căn-bản gom thơ của Nguyễn Khuyến, 1835-1909, 7 trường-hợp). Ngoài 40 bài này (cộng thêm 2 bài họa của Chiêu Hồ), cuốn sách còn chép lại 12 bài khác, chủ-yếu là lấy từ AB 147 (*Liệt truyện thi ngâm*) là một tập sách Nôm nhưng ông Durand đã không kịp thời giờ chép ra dưới dạng Nôm nên chỉ có dưới dạng Quốc-ngữ.

1985(?): 15 bài thuộc loại tục-truyền và 5 bài thơ Nôm rút từ Lưu Hương Ký trong *Hồ Xuân Hương: Poèmes*, Hoàng Xuân Hãn, Lâm Bá Châu, Jean Ristat, Olivier Stern và Nguyễn Minh Thanh cộng-tác in ra ở Pháp.

2000: *Spring Essence* của Balaban và Ngô Thanh Nhân (48 bài, trong số đó 36 bài là chép theo bản Nôm của QATT, 1914, và M. Durand, 1968).

Nhưng đáng kể nhất là:

2000: G.S. Nhan Bảo (“dạy tiếng Việt ở khoa tiếng phương Đông của trường Đại học Bắc Kinh cho đến ngày nghỉ hưu”) cho in “một số dị bản thơ Nôm Hồ Xuân Hương” dưới tên *Phát hiện mới về Hồ Xuân Hương* (Hà Nội: Nhà xb Khoa học xã hội).

Sở dĩ cuốn này đáng kể là vì không những ông Nhan Bảo đã cất công phiên âm lại sang Quốc-ngữ tất cả những dị-bản thơ HXH mà ông đã tìm ra trong chữ Nôm (213 bài cả thấy, trong đó có không ít bài trùng hoặc của người khác), quý nhất là vì ông đã cho chụp lại 5 tác-phẩm chép thơ HXH bằng chữ Nôm, cộng với bài tựa Lưu Hương Ký (mà ở đây được gán cho Phạm Đình Hổ và thiếu phần cuối). Năm tác-phẩm đó, theo thứ tự niên-đại, là:

1892/93(?): *Nam-âm thi-tập* 南音詩集 (“Xuân Hương thi 春香詩”) “Lê Quý phụng tả 黎貴奉寫” gồm 16 bài thơ Nôm HXH. Sở dĩ chúng tôi đánh dấu hỏi sau niên-đại 3 tác-phẩm liệt-kê ở đây là vì gần như chắc chắn (98-99%) là chúng được

chụp ra từ Fonds Antony Landes mà cụ Hoàng Xuân Hãn đã từng nói đến, ký-hiệu ở thư-viện Viễn-đông Bác-cổ ở Pháp là B 16.

1892/93(?): *Đại-Nam đối-liên thi-tập* 大南對聯詩輯 gồm 36 bài thơ Nôm mà một số được xem là của HXH.

1892/93(?): *Đại-Nam đối-thi* 大南對詩 (“Hồ Xuân Hương thi-tập 胡春香詩集”) gồm 49 bài thơ Nôm HXH.

1914: *Quốc-âm thi-tuyển* 國音詩選 (“Xuân Hương di-cảo 春香遺稿”) gồm 29 bài thơ Nôm HXH.

1940 (Bảo Đại canh ngộ niên tân khắc): *Xuân Hương thi-tập* 春香詩集 (Phúc Văn Đường tàng-bản) gồm 73 bài thơ và phú Nôm gán cho HXH.

*
* *

Nhìn từ góc độ của cụ khi cụ nghiên cứu về HXH ở Pháp (để rồi công-bố lần đầu dưới tên “Hồ Xuân Hương với vịnh Hạ-long” trong *Tạp san Khoa học xã hội* số 10-11 ở Pháp vào cuối năm 1983 đầu 1984), cụ Hoàng Xuân Hãn cho rằng Di-cảo Landes (chép khoảng 1892/93) là những văn-bản Nôm thơ HXH sớm nhất mà cụ có trong tay lúc bấy giờ. Nay ta xem lại thì cứ chỉ đưa trên những bản Nôm thơ HXH đã được công-bố điều đó cũng không còn đúng nữa. Chỉ dựa trên những văn-bản thơ Nôm đó, ta có thể dựng lại thứ tự niên-đại các tác-phẩm trong đó có thơ HXH như sau:

AB 383 (*Quốc-văn tùng-ký* 國文叢記 của Nguyễn Văn San, khoảng 1880). Theo Trần Văn Giáp, Nguyễn Văn San tự là Hải Châu Tử, hiệu Văn Đa Cư Sĩ, người làng Đa-ngư, huyện Văn-giang, tỉnh Hưng-yên (nay là Hải-hưng), sống vào khoảng giữa đời Tự Đức (1847-1883). (Xem *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập II, Hà-nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1990, trang 22).

B 16 (Di-cảo Landes, 1892/93, hiện chỉ còn lưu giữ ở Pháp) gồm 3 chỗ có thơ Nôm HXH: *Nam-âm thi-tập* 南音詩集 (“Xuân Hương thi 春香詩”), *Đại-Nam đối-liên thi-tập* 大南對聯詩輯 và *Đại-Nam đối-thi* 大南對詩 (“Hồ Xuân Hương thi-tập 胡春香詩集”).

A 3160 (*Quốc-sơn tam nguyên thi-tập* 桂山三元 詩集, muộn nhất là năm 1909 vì năm đó là Nguyễn Khuyến, cụ tam nguyên, mất) trong đó có chép một số thơ Nôm của HXH.

VNb.77 (*Quốc-âm thi-tuyển* 國音詩選, *phụ Danh-gia ca vịnh* 附名家歌咏, trong đó có “Xuân Hương di-cảo 春香遺稿”) khắc in lần đầu năm 1914 (có người cho là in lần đầu năm 1909), gồm “27 bài thơ Nôm (có phiên âm Quốc ngữ) của Hồ Xuân Hương” cộng 2 bài họa của Chiêu Hồ (Theo *Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu*, Trần Nghĩa và François Gros chủ-biên, Hà-nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1993, Tập 2, trang 645). Một ký-hiệu khác của tác-phẩm này là AB 649.

AB 396 (*Lĩnh-nam quần-hiền văn thi diễn âm tập* 嶺南群賢文詩演音集) trong đó có chép cả thơ Nôm của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939, nên có thể đây là

một sản-phẩm của những năm 1920-30) bên cạnh 40 bài thơ Nôm của Hồ Xuân Hương như ta đã thấy.

VNb.21a (*Xuân Hương thi-tập, phụ Danh-gia ca vịnh* 春香詩集, 附名家歌咏) do Phúc Văn Đường in lần đầu (?) năm 1921 (Long Phi tân-dậu). Có lẽ bản Bảo Đại canh-ngọ-niên (1940) có chụp lại trong Nhan Bảo là tái-bản từ bản này. Ngoài ra, VNb.21b (*Xuân Hương thi-tập* 春香詩集) là một quyển sách gần giống về nội-dung (tuy thứ tự và số bài có khác nhau đôi chút) nhưng in năm Khải Định nhâm-tuất (1922) và do nhà Quan Văn Đường in ra.

*
* *

Dựa vào tổng-kết trên đây, ta có thể nói là bây giờ nếu ai muốn nghiên cứu về khối thơ tục-truyền là của Hồ Xuân Hương thì người ấy cũng đã có tạm đủ các bản Nôm của những bài thơ kia. Điều này rất tốt và sẽ giúp ích rất nhiều cho những ai có tham-vọng tiếp nối công việc mà Maurice Durand đã khởi công một cách rất cẩn mật và nghiêm chỉnh: duyệt lại hết cả các bản Nôm đó để định phân khảo dị, lọc ra những bài nào không thể là của Hồ Xuân Hương mà bị lẫn vào đó, xác-định một dạng chốt cho các bài thơ của bà vừa hữu lý vừa dễ cho đông đảo quần-chúng chấp nhận. Làm được như vậy, ta sẽ giúp được cho các dịch-giả tương-lai có những văn-bản đáng tin cậy hơn là những văn-bản thơ Nôm Hồ Xuân Hương như ta hiện có trong sách của Maurice Durand hay trong *Spring Essence*.

Nguyễn Ngọc Bích

Đồng Xuân, đêm 27-4-2003